

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng – Bà Nguyễn Lệ Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐST- HNGĐ ngày 25/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐ-HPT ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 19/12/1999.

Trú tại: xóm 12(TX), xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử mặt)

- Bị đơn: Anh Trương Tiến N, sinh ngày 18/12/1998.

Trú tại: xóm 12 (TX), xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- **Về quan hệ tình cảm:** Chị Trần Thị H và anh Trương Tiến N tổ chức cưới nhau vào tháng 12/2017. Trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, việc dẫn tới hôn nhân là tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, được sự đồng ý của gia đình hai bên, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến ngày 28/12/2018 thì chị H, anh N mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 76/2018 ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh

phúc với nhau đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình sống chung vợ chồng không hợp nhau về lối sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Trong cuộc sống chung vợ thường xuyên va chạm với nhau qua lời nói, hành động, gây khó chịu cho nhau ảnh hưởng đến tâm lý, sinh hoạt của chị H. Do mâu thuẫn xảy ra thường xuyên trong cuộc sống chung đã làm cho chị H mất hết tình cảm đối với anh N, hôn nhân đổ vỡ. Cuối tháng 01/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra sâu sắc, chị H thấy không thể chung sống được với anh N, nên chị đã chủ động về bên ngoại sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ liên lạc đối với anh N từ tháng 01/2021 cho đến nay. Quá trình sống ly thân chị H, anh N không liên lạc, liên hệ để níu kéo hôn nhân để mặc hậu quả hôn nhân xảy ra. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, xác định hôn nhân tan rã đổ vỡ, nên chị H không yêu cầu gia đình, các tổ chức đoàn thể và chính quyền tổ chức hòa giải cho vợ chồng. Chị H khẳng định không còn tình cảm đối với anh N nữa, hôn nhân đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, chị đề nghị Tòa giải quyết ly hôn anh Trương Tiến N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trương Diệu V (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/6/2018. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N không hề có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn anh Trương Tiến N, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của anh để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Trần Thị H và anh Trương Tiến N cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp, niêm lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Trần Thị H, bị đơn anh Trương Tiến N, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh N không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ

sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn vắng mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Trần Thị H tiếp tục vắng mặt có đơn đề xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Tiến N tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trương Tiến N.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục kết hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trương Tiến N bảo đúng quy định của pháp luật, các bên tự nguyện xây dựng hôn nhân. Chị H, anh N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 76/2018 ngày 28/12/2018, nên xác định hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa chị Trần Thị H, anh Trương Tiến N tan rã, đổ vỡ, là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh N đã có những xử sự, lời nói không chuẩn mực, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ mất hết tình cảm đối với chồng. Sau khi sống sống ly thân chị H, anh N đều cắt đứt các mối liên hệ, không có ý thức níu kéo hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh N đã hoàn toàn tan rã, đổ vỡ. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N là có cơ sở. Do đó cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trương Tiến N.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù không có sự hỗ trợ của anh N về vật chất và tinh thần, nhưng chị H vẫn nuôi dạy con tốt, con chung phát triển tích cực về mọi mặt. Nay chị H đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi cho con chung. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị H.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên tòa miễn xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Trương Tiến N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Trương Diệu V (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/6/2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trương Tiến N cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Trương Tiến N người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0011262 ngày 21/4/2022. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có lý do được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã X, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã X (Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc